TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2022/DS-PT
Ngày: 26 - 12 - 2022
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất Yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.
Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải.
Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 211/2022/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 1057 đường T, khu vực N, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khu vực N, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Hồ Trọng N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu vực N, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3.2. Bà Đặng Tuyết V, sinh năm 1988.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: 1057 đường T, khu vực N, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, ông T có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày: Vào năm 2020, ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Hồng Văn V và bà Huỳnh Thị Kim Y phần đất diện tích 64m^2 thuộc thửa đất số 792, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại khu vực N, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00257 ngày 18/05/1999. Đến ngày 28/9/2020, ông T được chỉnh lý biến động sang tên quyền sử dụng đất tại trang 4. Đến tháng 11/2020 khi ông liên hệ Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh cấp giấy phép xây dựng và định lại vị trí thửa đất thì xác định một phần đất của ông do bị đơn bà Phạm Thị X đang sử dụng và xây dựng công trình nhà vệ sinh trên phần đất bà X lấn chiếm có chiều ngang 1,5m, chiều dài 2,5m. Ông đã nhiều lần yêu cầu bà X trả lại phần đất lấn chiếm nhưng bà X không đồng ý.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị X có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng và giao trả lại phần đất có diện tích ngang 1,5m, dài 2,5m, tổng diện tích 3,75m^2 thuộc quyền sử dụng của ông tại thửa đất số 792, tọa lạc tại khu vực 5, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Đồng thời, ngày 4/12/2020 ông có hợp đồng xây dựng nhà với ông Đinh Văn K, tổng tiền xây dựng là 20.000.000 đồng trong thời hạn 03 tuần (kể từ ngày 04/12/2020 đến ngày 25/12/2020) nhưng do bà X ngăn cản không cho xây dựng nên ông đã bồi thường cho thợ số tiền 20.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà X bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 20.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện (ngày 11/03/2021) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T rút lại yêu cầu khởi kiện với bị đơn bà X về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng số tiền 20.000.000 đồng.

Tại các biên bản hòa giải (ngày 20/01/2022 và 09/6/2022) nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án giải quyết xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa đất của ông thì yêu cầu bà X giao trả đất cho ông, phần còn lại không thuộc thửa đất của ông thì ông không tranh chấp.

Tại bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ bị đơn bà Phạm Thị X trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp bà mua của bà Phạm Thị T vào năm 1991 có

chiều ngang 13m và dài 40m, mua bằng giấy tay với giá một cây vàng 9999, thời điểm mua bà T chưa có giấy tờ gì về đất đai. Sau khi mua bà đã khai phá và bồi đắp sử dụng ổn định cho đến nay. Năm 2021, bà đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần phía trước chiều ngang 13m, chiều dài 20m, giấy số CH04922 ngày 20/5/2021, thửa 150, diện tích 259,9m^2, loại đất ở đô thị, phần đất còn lại phía sau chiều dài 20m thì bà chưa được cấp giấy chứng nhận nhưng thuộc quyền sở hữu của bà. Phần công trình bà xây dựng trên phần đất của bà, không có lấn chiếm đất của ông T, nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Hồ Trọng N trình bày: Anh là con bà X, hiện anh đang ở chung nhà với bà X. Anh N thống nhất với các ý kiến trình bày của bà X. Về nguồn gốc đất này là của bà X mua và bà X đã khai phá sử dụng ổn định đến nay.

Phần công trình trên đất là do bà X bỏ tiền ra xây dựng vào năm 2010 thuộc quyền sở hữu của bà X, anh chỉ là con trong gia đình nên sử dụng chung. Nay anh không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, đồng ý theo ý kiến của bà X.

Bà Đặng Tuyết V có người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thanh T trình bày: Bà Vthống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông T, bà V không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh T về tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ, di dời công trình giao trả đất.

Công nhận phần đất tranh chấp diện tích 3,2m^2, một phần thửa 792, vị trí số V, có chiều ngang giáp trước giáp thửa 792 là 2,06m, chiều ngang sau là 1,79m, chiều dài cạnh giáp thửa 792 là 1,68m, chiều dài cạnh còn lại là 1,61m (vị trí, kích thước theo Mãnh trích đo địa chính số 210-2022 ngày 05/7/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Tấn Lộc Thành, chi nhánh Hậu Giang, phiếu xác nhận đo đạc kèm theo) cho ông Lê Thanh T.

Buộc bà Phạm Thị X có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời các công trình giao trả diện tích 3,2m^2, một phần thửa 792 tại vị trí số V, có chiều ngang giáp trước giáp thửa 792 là 2,06m, chiều ngang sau là 1,79m, chiều dài cạnh giáp thửa 792 là 1,68m, chiều dài cạnh còn lại là 1,61m cho ông Lê Thanh T; các công trình, kiến trúc như sau: một phần nhà vệ sinh diện tích là 1,7m^2 (kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường, mái tole, nền lót gạch bông, trong có ốp gạch tường, hầm tự hoại và 01 bồn cầu vệ sinh); một phần bức tường gạch ống bị ảnh hưởng diện tích là 6,15m^2 (Mãnh trích đo địa chính số 210-2022 ngày 05/7/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Tấn Lộc Thành, chi nhánh Hậu Giang, phiếu xác nhận đo đạc kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Thanh T hỗ trợ cho bà Phạm Thị X số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để bà Phạm Thị X di dời và sửa chữa lại công trình.

Ngoài ra bản án còn tuyên đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút, tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, bị đơn bà Phạm Thị X có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và tự nguyện đồng ý hỗ trợ thêm cho bị đơn 5.000.000đồng tiền di dời, sửa chữa lại công trình. Tổng số tiền hỗ trợ thêm cho bị đơn là 10.000.000đồng.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến đã nêu tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm do tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tự nguyện tăng số tiền hỗ trợ cho bị đơn lên 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Phạm Thị X kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào kết quả đo đạc xác định phần đất tranh chấp có diện tích 3,2m^2, loại đất đô thị (ODT) thuộc một phần thửa 792 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00257. QSDĐ do ông Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng. Phần đất hiện do bà X đang quản lý, sử dụng, trên đất bà X có xây dựng công trình là một phần nhà vệ sinh và bức tường gạch đã cũ.

[2.1] Xét về nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng đất của các đương sự thấy rằng:

Nguyên đơn ông T nhận chuyển nhượng phần đất của ông Hồng Văn V và bà Huỳnh Thị Kim Y vào năm 2020, thửa 792 với diện tích 64m^2 thuộc tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00257. Ông T được chỉnh lý, biến động đứng tên quyền sử dụng tại trang 4. Khi nhận chuyển nhượng, ông T cho rằng chỉ xem vị trí đất và kiểm tra diện tích trên giấy nhưng không tiến hành đo đạc thực tế.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00257 được Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh cấp ngày 18/5/1999 cho bà Võ Thị Kim Dung, sau đó phần đất đã chuyển nhượng qua cho nhiều người và đến năm 2020 thì chuyển nhượng cho ông T. Căn cứ vào công văn số 1053 của Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (điều chỉnh trang 4) cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 792 có diện tích 64m^2 không thể hiện số đo cụ thể các cạnh thửa đất, tuy nhiên công văn số 1053 của Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh cung cấp thông tin vào năm 1997, nơi đây được quy hoạch khu dân cư để cấp cho những hộ dân bị thu hồi đất làm chợ Hỏa Lựu, nhà máy đường và mở rộng quốc lộ 61, diện tích các thửa đất được quy hoạch ngang 04m x dài 16m. Qua kết quả đo đạc thực tế thửa 792 ông T sử dụng ổn định không tranh chấp là 59,8m^2 (thiếu 4,2m^2 so với giấy), chiều ngang trước là 3,85m, chiều ngang sau giáp đất tranh chấp là đoạn gấp khúc là 2,06m+ 1,68m+ 1,88m; chiều dài cạnh giáp thửa 30 là 14,41m (thiếu 1,59m so với giấy), chiều dài cạnh còn lại 16m. Phần đất tranh chấp tại vị trí số (V) diện tích 3,2m^2, loại đất đô thị là thuộc một phần thửa 792 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00257. QSDĐ do ông Lê Thanh T đứng tên quyền sử dụng. Do đó, nếu cộng phần đất tranh chấp vào diện tích đất ông T sử dụng ổn định là 59,8m^2 + 3,2m^2 =63m^2 chưa đủ so với diện tích trên giấy và nền khu dân cư có chiều ngang 4m x 16m thì thửa đất của ông T thiếu cạnh chiều dài giáp phần đất tranh chấp, nếu cộng chiều dài phần đất tranh chấp vào thì chiều dài thửa đất được 16,02m là phù hợp.

Đối với việc bà X đang quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp, bà X cho rằng, nguồn gốc đất bà mua của bà Phạm Thị T vào năm 1991 bằng giấy tay với tổng diện tích chiều ngang là 13m, chiều dài 40m, nhưng đến nay bà X chỉ được Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 150, giấy CH04922 ngày 20/5/2021, diện tích 259,9m^2, chiều ngang là 13m, chiều dài 20m, phần đất còn lại phía sau bà X đang quản lý, sử dụng có một phần tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà X cung cấp cho Tòa án giấy tay xác nhận mua đất, các biên lai thu thuế nhà đất, giấy xác nhận của các hộ dân và đơn xin giao đất của bà Phạm Thị Thẻ năm 1999 thể hiện kích thước ngang 13m x 40m. Tuy nhiên, xét thấy ủy ban nhân dân xã, phường không có thẩm quyền giao đất, đồng thời căn cứ vào trích lục hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà X thể hiện phần đất bà X được nhà nước cấp giấy có nguồn gốc đất do nhà nước quản lý trước năm 1975 đến năm 1992 bà X tự chiếm đất và xây dựng nhà ở đến nay. Cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ – CP của Chính Phủ quy định "*Việc xử lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014*" để cấp đất cho bà X đối với phần đất bà X đã cất nhà ở ổn định, chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai và phần đất không tranh chấp. Riêng phần đất 3,2m^2 thuộc một phần thửa đất 792 theo theo hệ thống bản đồ địa chính, chính quy cũ thể hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số 215 cho bà Cao Thị U, đến ngày 29/4/1999 chỉnh lý chuyển nhượng cho bà Võ Thị Kim D và bà D được cấp giấy chứng nhận mới số 000257, bà X tự lấn chiếm, quản lý, sử dụng đất của Nhà nước quản lý và Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho người khác nên không có cơ sở cho rằng phần đất trên thuộc sở hữu của bà X.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy bà X cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà nhưng đến nay bà chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và phần đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp cho ông Lê Thanh T đúng quy định.

[2.2] Về tài sản trên đất:

Căn cứ vào các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2021; ngày 24/11/2021 và Mãnh trích đo địa chính số 06-2021 ngày 01/12/2021; Mãnh trích đo địa chính số 210-2022 ngày 05/7/2022; phiếu xác nhận kèm theo xác định trên phần đất tranh chấp có công trình là một phần nhà vệ sinh và một phần bức tường gạch ống cũ (không trát tường) của bà X xây dựng bị ảnh hưởng; trong đó, diện tích nhà vệ sinh bị ảnh hưởng một phần tại thửa 792 là 1,7m^2 (kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường, mái tole, nền lót gạch bông, trong có ốp gạch tường, hầm tự hoạt và 01 bồn cầu vệ sinh); và một phần bức tường gạch ống cũ bị ảnh hưởng diện tích là 6,15m^2.

Ông T thừa nhận bà X đã xây dựng trước khi ông mua đất nhưng căn cứ vào biên bản xác minh ngày 28/4/2022 tại Ủy ban nhân phường VII, thành phố Vị Thanh, xác định phần công trình, kiến trúc (nhà vệ sinh, phần tường) của gia đình bà X được xây dựng vào năm 2017, khi xây dựng thì địa phương có yêu cầu bà X ngừng xây dựng nhưng không có lập biên bản vi phạm, hiện trạng khi đó chỉ mới xây dựng được phần nữa tường, hiện nay bà X đã xây dựng hoàn chỉnh thì địa phương không nắm được.

Như vậy, khi bà X xây dựng đã bị địa phương ngăn cản và công trình bà xây dựng có lấn qua một phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T. Về hiện trạng công trình là nhà vệ sinh độc lập với nhà ở và một phần tường gạch cũ nên có thể tháo dỡ, di dời. Việc bà X tự chiếm đất xây cất khi phần đất chưa được Nhà nước công nhận quyền sở hữu cho bà, mặt khác khi xây cất bà còn bị địa phương ngăn cản nhưng bà vẫn cố tình xây dựng nên đáng lẽ ra buộc bà phải di dời toàn bộ công trình trên phần đất tranh chấp 3,2m^2 để giao trả đất cho ông T. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông T tự nguyện hỗ trợ cho bà 5.000.000 đồng là có lợi cho bà X.

Từ đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, công nhận phần đất tranh chấp diện tích 3,2m^2 cho ông Lê Thanh T. Buộc bà Phạm Thị X có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình, kiến trúc giao trả diện tích đất 3,2m^2 và ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông T cho bà X di dời công trình trên đất 5.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T tự nguyện tăng số tiền hỗ trợ cho bà X lên 10.000.000 đồng tiền di dời, sửa chữa công trình trên đất, việc tự nguyện hỗ trợ

của ông T không trái với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật và càng có lợi cho bà X hơn nên được cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của nguyên đơn cho bị đơn.

[4] Bà X kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu kháng cáo của bà nên việc kháng cáo của bà không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Đối với việc bà X cho rằng phần đất tranh chấp do bà nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị T, tại phiên tòa phúc thẩm bà X thống nhất về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà T để bà tự thỏa thuận với bà T, không yêu cầu xem xét nên cấp sơ thẩm không đưa bà T tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà X không được chấp nhận nên bà X phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên bà X thuộc trường hợp người cao tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng điều 12 nghị quyết 326/2016 UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà X.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 6, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;; Khoản 5 Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật đất đai 2013; Điều 166, Điều 175 của Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị X

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh T về tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ, di dời công trình trên đất.

Công nhận phần đất tranh chấp diện tích 3,2m^2, một phần thửa 792, vị trí số V, có chiều ngang giáp trước giáp thửa 792 là 2,06m, chiều ngang sau là 1,79m, chiều dài cạnh giáp thửa 792 là 1,68m, chiều dài cạnh còn lại là 1,61m (vị trí, kích thước theo Mãnh trích đo địa chính số 210-2022 ngày 05/7/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Tấn Lộc Thành chi nhánh Hậu Giang, phiếu xác nhận đo đạc kèm theo) cho ông Lê Thanh T.

Buộc bà Phạm Thị X có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời các công trình trên phần đất tranh chấp đã được công nhận trên cho ông Lê Thanh T.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Thanh T hỗ trợ cho bà Phạm Thị X số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để bà Phạm Thị X di dời và sửa chữa lại công trình.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh T về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với bị đơn Phạm Thị X.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Ông Lê Thanh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0006186 ngày 23/02/2021 và Biên lai thu số 0006185 ngày 19/2/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

5. Chi phí xem xét, thẩm định và lược đồ: Tổng cộng số tiền là 5.900.000 đồng (năm triệu chín trăm nghìn đồng), bà X phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ và nộp để giao trả lại cho ông Lê Thanh T.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 26/12/2022.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP.Vị Thanh, T. Hậu Giang;
- Chi cục THADS TP.Vị Thanh, T. Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thọ